

**“Kế hoạch sử dụng nhận lực kỹ
thuật bậc vừa nước ngoài lâu dài”
(Bản sửa đổi)**

Bộ Lao động

Tháng 03 năm 2022

Mục Lục

I. Nguồn gốc kế hoạch	1
1. Căn cứ.....	1
2. Bối cảnh thúc đẩy.....	2
3. Đánh giá và phân tích vấn đề.....	6
II. Mục tiêu kế hoạch	12
III. Kết cấu kế hoạch và biện pháp cụ thể	13
1. Kết cấu kế hoạch	13
2. Biện pháp cụ thể.....	14
IV. Bộ phận công	23
V. Hiệu quả dự tính.....	24

I. Nguồn gốc kế hoạch

1. Căn cứ

Kế hoạch này được Tổng thống triệu tập “Hội nghị chuyên án kiểm thảo chính sách hướng Nam mới” ngày 09 tháng 07 năm 2021, quyết định: “Yêu cầu Ủy ban Phát triển Quốc gia trên cơ sở xem xét chính sách 3 trong một nhân lực, giáo dục và người lao động, đề xuất kế hoạch chính sách nhân khẩu và di dân của Đài Loan”. Ủy ban Phát triển Quốc gia báo cáo “Kế hoạch chính sách nhân khẩu và di dân trình lên Tổng thống ngày 26 tháng 07 năm 2021, nghị quyết Ủy ban Phát triển Quốc gia mời Bộ Kinh tế, Bộ Giáo dục, Ủy ban Vấn đề Hoa kiều và Phòng Nghiên cứu Thương mại – Bộ Lao động, yêu cầu Ủy ban Phát triển Quốc gia đề xuất kết cấu và mục tiêu của chính sách di dân, và yêu cầu Bộ Giáo dục, Ủy ban Vấn đề Hoa kiều cùng Bộ Lao động soạn thảo kế hoạch công tác tác chấp hành.

Để thúc đẩy chính sách, Ủy ban Phát triển Quốc gia thiết lập “Hội nghị 5 thủ trưởng tăng cường hóa chính sách nhân khẩu và di dân” ngày 12 tháng 08 năm 2021, tạo lập 3 tiểu tổ công tác thúc đẩy các biện pháp cụ thể gồm “Tăng cường gia hạn thuê nhân tài chuyên nghiệp nước ngoài”, “Quảng bá, thu hút và sử dụng sinh viên nước ngoài / Hoa kiều lâu dài” và “Nghiên cứu thảo luận sử dụng nhân lực kỹ thuật nước ngoài”. Trong đó đối tượng áp dụng của việc sử dụng nhân lực kỹ thuật nước ngoài lâu dài, bao gồm sinh viên nước ngoài / Hoa kiều có bằng phó cử nhân Đại học trở lên, có thể thực hiện công

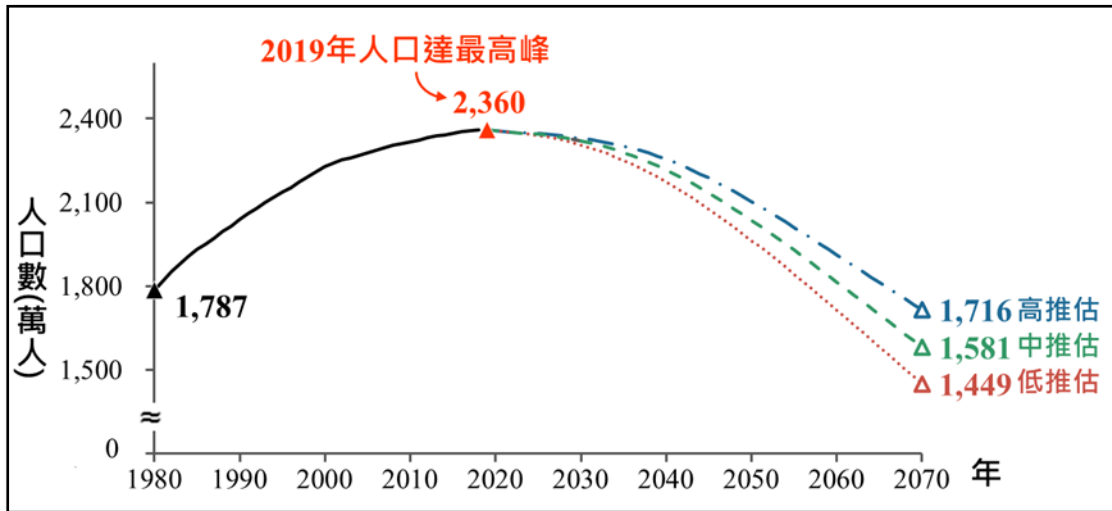
việc kỹ thuật bậc vừa, và khuyến khích người nước ngoài dưới 30 tuổi và thực hiện công việc tại khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm (dưới đây gọi tắt là lao động người nước ngoài) theo học cấp phó cử nhân, và sau khi tốt nghiệp có thể chọn ở lại Đài Loan thực hiện công việc kỹ thuật chuyên môn hoặc công việc kỹ thuật bậc vừa; ngoài ra, đối với lao động người nước ngoài làm việc trên 6 năm tại Đài Loan, có thể chuyển đổi danh tính thành công tác kỹ thuật bậc vừa.

Bộ Lao động căn cứ những điều nêu trên và nghị quyết tại Hội nghị liên quan, hoàn thành “Kế hoạch sử dụng nhân lực kỹ thuật bậc vừa lâu dài” (dưới đây gọi tắt là Kế hoạch này).

2. Bối cảnh thúc đẩy

Theo đánh giá về nhân khẩu của Ủy ban Phát triển Quốc gia, do tốc độ nhân khẩu lão hóa, trong tương lai tốc độ nhân khẩu giảm thiểu ngày càng nhanh, năm 2070 nhân khẩu trong nước sẽ giảm từ 14 triệu 490 nghìn còn 17 triệu 160 nghìn người, vào khoảng 60% – 70% của năm 2021, như Hình 1.

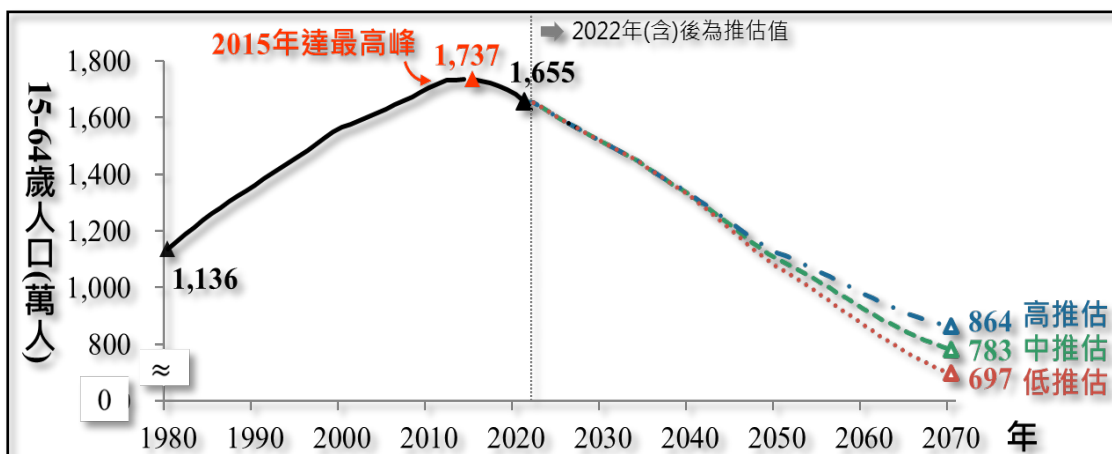
Hình 1: Sơ đồ dự tính xu thế thay đổi tổng nhân khẩu tương lai trong nước



Nguồn dữ liệu: Dữ liệu dự tính nhân khẩu và dự tính nhân lực của Ủy ban Phát triển Quốc gia.

Ngoài ra, nhân khẩu độ tuổi làm việc trong nước năm 2015 đạt cao điểm nhất 17 triệu 370 nghìn người, cho đến năm 2070 sẽ giảm mạnh từ 6 triệu 970 nghìn đến 8 triệu 640 nghìn người, như Hình 2.

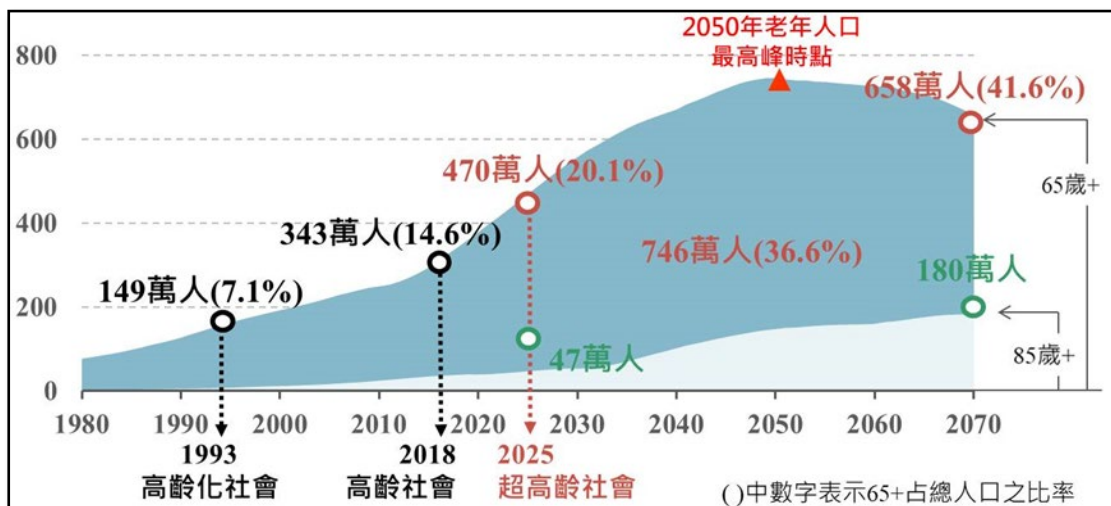
Hình 2: Sơ đồ dự tính xu thế thay đổi nhân khẩu độ tuổi làm việc trong tương lai trong nước



Nguồn dữ liệu: Dữ liệu dự tính nhân khẩu và dự tính nhân lực của Ủy ban Phát triển Quốc gia.

Trong nước đã chuyển sang giai đoạn xã hội người cao tuổi vào năm 2018, dự tính sẽ bước vào giai đoạn xã hội cực cao tuổi vào năm 2025. Ngoài ra, kết cấu độ tuổi nhân khẩu người cao tuổi lão hóa nhanh chóng, nhân khẩu cực cao tuổi năm 2021 (trên 85 tuổi) chiếm 10,5% độ tuổi người cao tuổi, năm 2070 sẽ tăng lên 27,4%, như Hình 3.

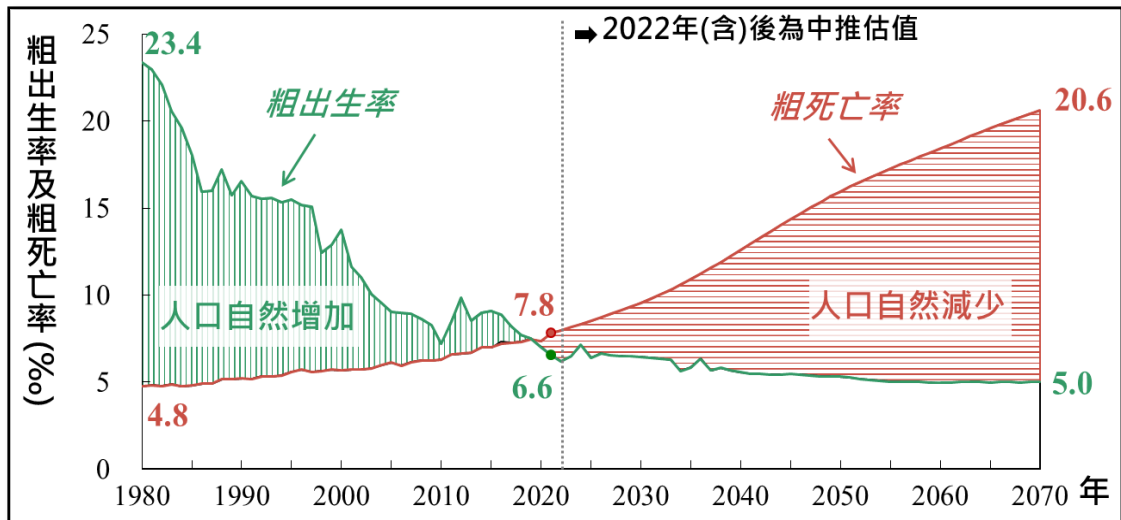
Hình 3: Sơ đồ dự tính thời điểm cao tuổi hóa trong nước



Nguồn dữ liệu: Dữ liệu dự tính nhân khẩu và dự tính nhân lực của Ủy ban Phát triển Quốc gia.

Ngoài ra, số nhân khẩu sinh năm 2021 là 154 nghìn người, số người tử vong là 184 nghìn người, gia tăng tự nhiên là -30 nghìn người, sau năm 2021, tỷ lệ tử vong lớn hơn tỷ lệ sinh, số nhân khẩu giảm thiểu tự nhiên, như Hình 4.

Hình 4: Sơ đồ dự tính xu thế tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử vong trong tương lai ở trong nước



Nguồn dữ liệu: Dữ liệu dự tính nhân khẩu và dự tính nhân lực của Ủy ban Phát triển Quốc gia.

Kết cấu nhân khẩu trong nước vào năm 2021 đã xuất hiện bước ngoặt quan trọng, vấn đề kết cấu nhân khẩu “giảm thiểu nhân khẩu ở độ tuổi làm việc”, “gia tăng tốc độ nhân khẩu người cao tuổi” và “giảm thiểu số trẻ sơ sinh” ngày càng nghiêm trọng. Để duy trì năng lực phát triển kinh tế Đài Loan, cần phải tích cực có những chính sách tăng cường nguồn nhân lực, ngoài việc có thể nâng cao chất và lượng của nguồn lực trong nước, mà còn phải tăng cường thu hút di dân nước ngoài để bổ sung nguồn lao động đang thiếu.

Chính sách lao động người nước ngoài trong nước trước đây, để bảo đảm lao động trong nước làm việc và tránh cản trở tính ổn định xã hội làm tiền đề, lao động người nước ngoài làm việc tại Đài Loan ngoại trừ có giới hạn về số năm làm việc, mà còn không thể tiếp nối chính sách lao động người nước ngoài trong nước, theo đà giảm thiểu nhân lực lao động trong nước, chính sách lao động phải có tư duy mới, tìm

kiểm điều kiện tích cực thu hút lao động người nước ngoài ở lại Đài Loan làm việc, và chọn sử dụng nhân lực kỹ thuật nước ngoài chất lượng và ổn định để bù đắp chỗ thiếu của nguồn lao động trong nước, từ đó cần thay đổi chế độ di dân. Ngoài ra, sinh viên nước ngoài / Hoa kiều đã được đầu tư nguồn tài nguyên đào tạo trong nước, tăng cường sử dụng sinh viên nước ngoài / Hoa kiều tốt nghiệp trong nước ở lại Đài Loan làm việc, cũng có thể trau dồi nguồn nhân lực trong nước. Hơn nữa, quốc gia lân cận châu Á như Nhật Bản đã đưa ra biện pháp ưu đãi lao động người nước ngoài và di dân, cạnh tranh nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, nước ta làm thế nào để giữ lại nhân lực kỹ thuật nước ngoài và sinh viên nước ngoài / Hoa kiều, và chuyển sang di dân kỹ thuật, không thể chậm trễ.

3. Đánh giá và phân tích vấn đề

Theo kết quả thống kê điều tra tình hình sử dụng nhân lực chuyên nghiệp cuối tháng 08 năm 2021 của Phòng Thống kê – Viện Hành chính, số người thiếu nhân lực trong ngành sản xuất là 900.517 người, trong đó nhân viên kỹ thuật và nhân viên trợ lý chuyên nghiệp thiếu khoảng 25.320 người, nhân viên công tác liên quan kỹ nghệ, vận hành thiết bị cơ khí và nhân viên lắp đặt thiếu 38.890 người; ngành xây dựng thiếu 25.758 người, trong đó nhân viên kỹ thuật và nhân viên trợ lý chuyên nghiệp thiếu 5.797 người, nhân viên công tác kỹ nghệ, vận hành thiết bị cơ khí và nhân viên lắp đặt thiếu 13.248 người. Có thể thấy nhu cầu nhân lực kỹ thuật bậc vừa trong nước.

Cho đến hết cuối tháng 11 năm 2021, lao động người nước ngoài tại Đà Loan là 675.672 người, trong đó thực hiện công việc ngành công nghiệp khoảng 446.769 người; thực hiện công việc chăm sóc dài hạn là 228.903 người, số người lao động nước ngoài tại các ngành nghề như ở Bảng 1.

Bảng 1: Số người lao động nước ngoài tại Đà Loan – Chia theo quốc tịch và ngành nghề

Cho đến hết cuối tháng 11 năm 2021

Quốc gia		Indonesia	Việt Nam	Philippine	Thái Lan	Malaysia Tây Á	Khác	
								Ngành nghề
Tổng cộng	675,672	238,787	236,511	143,181	57,185	7	1	
		35.34%	35.00%	21.19%	8.46%	0%	0%	
Ngành công nghiệp	Ngành sản xuất	429,675						
		63.59%	58,557	203,473	115,353	52,285	7	0
	Ngành xây dựng	6,514						
	0.96%	370	1,615	89	4,440	0	0	
	Ngành nông lâm hải sản	10,580						
	1.57%	6,974	2,179	1,343	84	0	0	
Phúc lợi xã hội	Khán hộ công	227,440						
		33.66%	171,922	29,206	25,945	367	0	0
	Người giúp việc	1,463						
	0.22%	964	38	451	9	0	1	

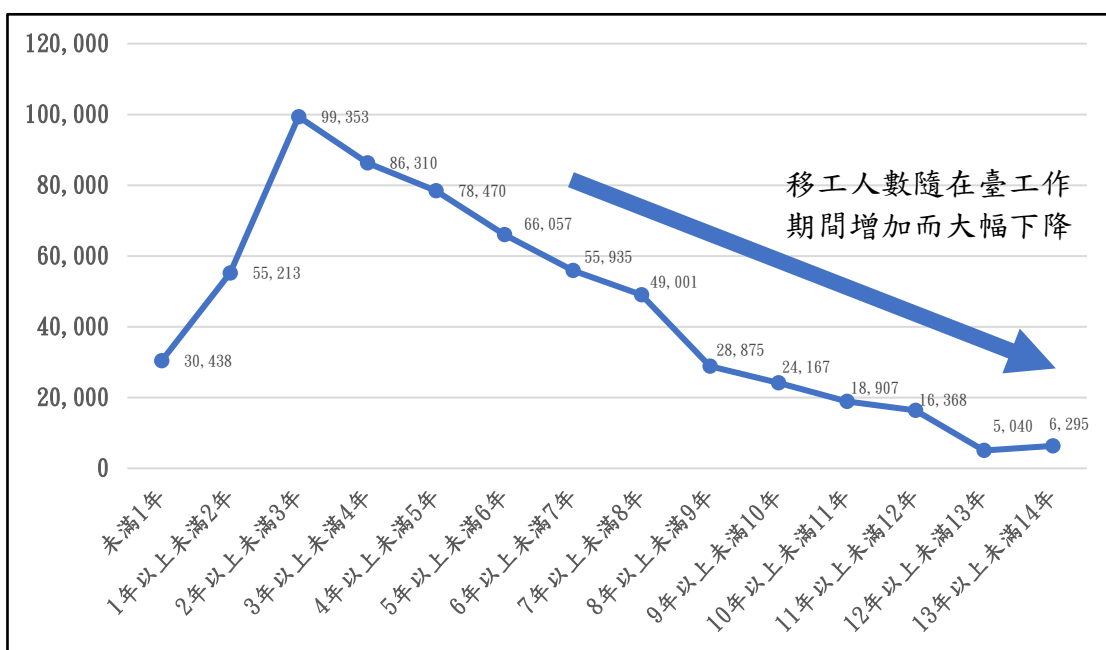
Nguồn dữ liệu: Bộ Lao động chính lý.

Ghi chú: 1 người khác là người giúp việc quốc tịch Ấn Độ do người nước ngoài cấp cao cổ áo trắng thuê làm từ nước ngoài.

Ngoài ra, cho đến hết cuối tháng 11 năm 2021, lao động người nước ngoài làm việc tại Đà Loan trên 6 năm có 205.588 người, trong đó thực hiện công tác ngành sản xuất là 116.792 người, thực hiện công tác khán hộ công là 83.848 người; thời hạn làm việc trên 10 năm có 46.610 người, trong đó thực hiện công tác sản xuất là 19.976 người, thực hiện công việc khán hộ công có 25.779 người, thống kê số người lao động nước ngoài trong thời hạn làm việc tại Đà Loan, chi tiết như

nhu tại Văn bản 1 kèm theo. Tiến thêm một bước phân tích xu thế thời hạn làm việc, lao động người nước ngoài làm việc tại Đài Loan từ 6 đến 8 năm, số người ở lại Đài Loan làm việc có xu thế giảm đáng kể, như Hình 4. Hiện thị nếu chính sách trong nước sử dụng lao động người nước ngoài chất lượng làm nhân lực kỹ thuật bậc vừa, thời hạn làm việc 6 năm là điểm thời gian quan trọng.

Hình 5: Sơ đồ xu thế giới hạn năm làm việc tại Đài Loan của lao động người nước ngoài – Chia theo thời gian làm việc



Nguồn dữ liệu: Bộ Lao động chính lý.

Lao động người nước ngoài sang Đài Loan làm việc đạt trên thời hạn nhất định, do đã có kỹ năng làm việc cơ bản, và có nhận biết về văn hóa, xã hội Đài Loan một mức nhất định, Chủ thuê đầu tư nguồn huấn luyện nhân lực, quan hệ hòa hợp nhưng theo quy định tại Điều 52 Luật Dịch vụ Việc làm, thời hạn làm việc tại Đài Loan tích lũy không quá 12 năm, ngoài ra, thực hiện công việc khán hộ công gia đình, thời gian làm việc tại Đài Loan tích lũy không quá 14 năm, vì thế

một khi đến thời hạn là sẽ không thể ở lại Đài Loan tiếp tục làm việc, có thể chuyển qua nước khác làm việc.

Ngoài ra, lao động người nước ngoài theo quy định tại Điều 25 Luật Xuất nhập cảnh và Di dân, thời hạn làm việc tại Đài Loan không tính vào thời gian cư trú, không thể đăng ký cư trú vĩnh viễn tại Sở Di dân – Bộ Nội chính, khiến cho lao động người nước ngoài đã có trình độ kỹ thuật nhất định không thể di dân.

Hiện tại lao động người nước ngoài có thời hạn số năm làm việc, ngành công nghiệp và chăm sóc dài hạn có nhu cầu về nhân lực kỹ thuật bậc vừa, nếu có thể sử dụng lao động người nước ngoài đã thành thạo kỹ thuật và chuyển thành nhân lực kỹ thuật để bù đắp phần khuyết thiếu trong nhân lực kỹ thuật bậc vừa trong nước, ngoài có lợi với sự phát triển ngành công nghiệp trong nước, mà còn chă lo đến nhu cầu chăm sóc gia đình không đủ năng lực chăm sóc, cung cấp kênh di dân sử dụng lao động người nước ngoài ưu tú, mà còn giải quyết được vấn đề ít con, xã hội người cao tuổi v.v...

Tham khảo các nước như Singapore, Nhật Bản và Canada v.v... liên tục đưa ra các biện pháp ưu đãi về di dân, cạnh tranh có được nhân lực kỹ thuật nước ngoài, như Bảng 2. Các nước đã số lập ra nhận định kỹ năng, cơ chế sàng lọc ngưỡng tiền lương đối với lao động người nước ngoài làm việc cơ bản, không còn hạn chế thời gian làm việc đối với nhân lực kỹ thuật chất lượng, và thời hạn làm việc có thể tính vào đăng ký cư trú vĩnh viễn, và đồng ý đưa quyền thuộc cư trú theo thân,

biện pháp chính sách sử dụng lao động người nước ngoài lâu dài.

Bảng 2: Bảng chế độ sử dụng lao động người nước ngoài lâu dài

Quốc gia	Loại việc làm	Tên	Thời hạn làm việc	Nhận định kỹ năng	Ngưỡng tiền lương	Cư trú vĩnh viễn	Quyền thuộc
Singapore	Nhân lực cơ bản	Chứng nhận cho phép làm việc	V	X	X	X	X
	Nhân lực kỹ thuật	Chứng nhận cho phép S	X	V (Có học lực nhất định và kinh nghiệm làm việc liên quan)	V (Đạt trên 2.500 đô-la Singapore, tương đương khoảng 51 nghìn Đài tệ)	V	V
Nhật Bản	Nhân lực cơ bản	Sinh viên thực tập kỹ năng	V	X	X	X	X
		Kỹ năng cụ thể số 1	V	V	V	X	X
	Nhân lực kỹ thuật	Kỹ năng cụ thể số 2	X	V (Phải thông qua trắc nghiệm kỹ năng thành thạo)	V (Phải phù hợp điều kiện tiền lương trên thị trường, năm 2020 tiền lương bình quân tại Nhật Bản là 174.600 Yên Nhật ¹ , tương đương	V	V

¹Tham khảo công bố Bộ Lao động Nhật Bản ngày 31 tháng 03 Lệnh Hòa năm thứ 3 (năm 2021) "Tổng quan về điều tra thống kê cơ bản về cơ cấu tiền lương Lệnh Hòa năm thứ 2" về "Tiền lương theo tình trạng cư trú của lao động người nước ngoài" tiền lương bình quân của nhân viên kỹ năng cụ thể.

					khoảng 42 nghìn Đạì tộ)		
Canada	Nhân lực cơ bản	Kế hoạch lao động người nước ngoài mang tính tạm thời	V	X	X	X	X
	Nhân lực kỹ thuật	Kế hoạch tổ chức thử bảo mẫu gia đình và khán hộ công	X	V (Tối thiểu trên 2 năm kinh nghiệm làm việc)	V (Phải phù hợp mức lương thị trường tại khu vực, tiền lương bình quân hàng tháng tại Canada khoảng 2.681 đô-la Sing, tương đương khoảng 60 nghìn Đạì tộ)	V	V

Nguồn dữ liệu: Bộ Lao động chính lý.

Ngoài ra, sinh viên nước ngoài / Hoa kiều đã được cấp văn bằng giáo dục tại Đạì Loan, không chỉ có kỹ năng kiến thức cơ bản, cũng có trình độ nhận thức nhất định đối với xã hội, văn hóa trong nước, thích ứng cuộc sống Đạì Loan, song sinh viên nước ngoài / Hoa kiều được cấp bằng phó cử nhận do chưa thể phù hợp điều kiện làm viên chuyên môn hoặc kỹ thuật, khó có thể ở lại Đạì Loan làm việc chuyên ngành. Nếu sử dụng theo dạng nhân lực kỹ thuật, phù hợp với hiệu ích đầu tư giáo dục và mục tiêu chính sách sử dụng nhân tài hơn, và còn là một trong những nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng.

Tổng hợp mà nói, trong bối cảnh nhu cầu về nhân lực trong nước, để có được sự cân bằng giữa nhu cầu và cung cấp trên thị trường lao động, trau dồi nền cơ bản công nghiệp, Bộ Lao động xem xét những quy định về lao động người nước ngoài và sinh viên nước ngoài / Hoa kiều ở lại Đài Loan làm việc và những quy định có liên quan khác, và tham khảo kế hoạch soạn thảo các nước, thông qua việc thiết lập cơ chế sử dụng nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài lâu dài, thu hút sinh viên nước ngoài / Hoa kiều và lao động người nước ngoài thành thạo kỹ thuật ở lại Đài Loan làm việc, cùng lúc bổ sung nhân lực kỹ thuật bậc vừa, còn có thể giải quyết nhu cầu cấp bách về sự thiếu hụt nhân lực lao động, để củng cố sức cạnh tranh quốc tế trong tương lai của Đài Loan.

II. Mục tiêu kế hoạch

1. Phối hợp với nhu cầu phát triển công nghiệp trong nước, và không ảnh hưởng đến điều kiện tiền lương cũng như quyền lợi việc làm của người dân trong nước, sử dụng lao động người nước ngoài thạo việc và sinh viên nước ngoài / Hoa kiều ở lại Đài Loan thực hiện công việc kỹ thuật bậc vừa, bổ sung nguồn nhân lực cần thiết trong nước, nâng cao sức cạnh tranh trong nước.
2. Sử dụng lao động người nước ngoài thạo việc và sinh viên nước ngoài / Hoa kiều ở lại Đài Loan làm việc, và tạo dựng chế độ di dân, cải thiện kết cấu nhân lực trong nước.

III. Kết cấu kế hoạch và biện pháp cụ thể

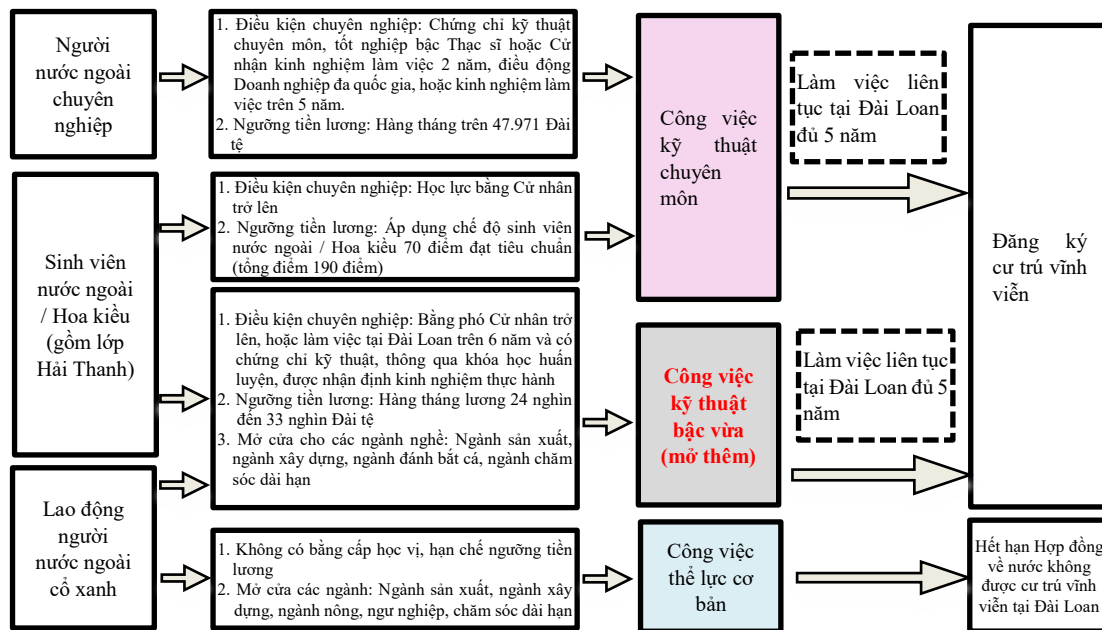
1. Kết cấu kế hoạch

Theo quy định Luật Dịch vụ Việc làm hiện hành, người nước ngoài làm việc tại Đài Loan chia làm công việc chuyên nghiệp (khoản 1 đến khoản 6 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm) và công việc thể lực cơ bản (khoản 8 đến khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm). Người nước ngoài thực hiện công việc chuyên nghiệp, nếu phù hợp điều kiện trên 2 năm kinh nghiệm làm việc và tiền lương tại Doanh nghiệp đạt 47.971 Đài tệ, hoặc sinh viên nước ngoài / Hoa kiều tốt nghiệp được cấp bằng học vị Cử nhân đạt 70 điểm (tổng 190 điểm), thì có thể thực hiện công việc chuyên môn hoặc công việc kỹ thuật tại Đài Loan. Ngoài ra, hiện mở cửa cho các ngành như ngành sản xuất, ngành xây dựng, ngành đánh bắt cá ngoài khơi và ngành chăm sóc dài hạn, có thể thuê lao động người nước ngoài thực hiện công tác thể lực cơ bản.

Kế hoạch này quy hoạch công việc chuyên nghiệp và công việc thể lực cơ bản, ngoài ra còn mở thêm người nước ngoài thực hiện công việc kỹ thuật bậc vừa. Đối tượng áp dụng bao gồm sinh viên nước ngoài / Hoa kiều tốt nghiệp tại Đài Loan được cấp bằng phó Cử nhân trở lên, và người nước ngoài loại 2 làm việc tại Đài Loan trên 6 năm, và có điều kiện kỹ thuật nhất định, tiền lương hàng tháng đạt trên mức quy định, trên cơ sở sử dụng nhân lực cần thiết, Chủ thuê nộp Đơn đăng ký lên Bộ Lao động để đăng ký Giấy phép thuê làm, sau khi được cấp Giấy phép là có thể thực hiện công tác kỹ thuật bậc vừa tại Đài Loan.

Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài được cấp Giấy phép làm việc có thể làm việc và cư trú liên tục đủ 5 năm, tiếp đó có thể đăng ký tiếp tục làm việc tại Đà Loan hoặc cư trú vĩnh viễn, nhập quốc tịch hoặc định cư theo quy định liên quan, trở thành di dân kinh tế trong tương lai của Đà Loan.

Hình 6: Sơ đồ kết cấu thuê dùng người nước ngoài và sử dụng lâu dài



Nguồn dữ liệu: Bộ Lao động chính lý.

2. Biện pháp cụ thể

(1) Công việc kỹ thuật bậc vừa:

Theo nghiên cứu của các học gia chuyên gia do Bộ Lao động ủy quyền, định nghĩa nhân lực kỹ thuật bậc vừa là: “Có tích lũy kinh nghiệm ở trình độ nhất định, có kiến thức chuyên nghiệp, thành thạo kỹ thuật và năng lực phán đoán độc lập. Nội dung công việc bao gồm vận hành, quản lý kiểm soát, quy hoạch, trao đổi điều độ hoặc các công việc khác với công việc bỏ sức lao động, mà có thể thực hiện độc lập không cần nhiều giám sát trong tình huống thay

đổi cục bộ hoặc bất thường xảy ra.”

Công việc kỹ thuật bậc vừa tham khảo bậc kỹ thuật “phân loại tiêu chuẩn chức nghiệp Trung Hoa Dân Quốc” tại Phòng Thống kê – Viện Hành chính, người nước ngoài tối thiểu phải thành thạo 4 năng lực như kỹ năng thao tác bằng tay, đọc thông tin sổ tay an toàn khi vận hành, viết biên bản ghi chép công tác và tính toán chính xác dữ liệu, thực hiện công việc nghệ thuật, vận hành thiết bị máy móc và lắp ráp, ngành sản xuất nông lâm ngư nghiệp, chăm sóc sức khỏe cá nhân, và các công tác được Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương chỉ định.

(2) Đối tượng áp dụng

1. Làm việc liên tục tại Đài Loan trên 6 năm, hoặc từng làm việc tích lũy tại Đài Loan trên 12 năm (khán hộ công gia đình là 14 năm) đã xuất cảnh, và không vi phạm pháp luật trong thời gian làm việc tại Đài Loan².
2. Sinh viên nước ngoài / Hoa kiều được cấp bằng phó Cử nhân trở lên tại Đại Loan.

(3) Mở cửa các ngành công nghiệp

Công việc kỹ thuật bậc vừa mở cửa ngành nghề giới hạn ngành đánh bắt cá ngoài khơi, ngành sản xuất, ngành xây dựng, ngành nông nghiệp ủy quyền bên ngoài, ngành nông nghiệp (giới hạn hoa lan, nấm, rau củ, không bao gồm giết mổ, nuôi cá, chăn nuôi gia súc/gia cầm,

2 Nếu chưa được phép làm việc, vi phạm Điều 73 Luật Dịch vụ Việc làm.

phân bón), ngành khán hộ công Cơ sở, khán hộ công gia đình, và các công tác công nghiệp trọng điểm khác của quốc gia được Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương chỉ định

(4) Tuyển dụng trong nước và trình tự đăng ký

Điều 47 và Điều 48 Luật Dịch vụ Việc làm tóm tắt, Chủ thuê thuê người nước ngoài thực hiện các công việc tại khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm, phải tuyển dụng trong nước bằng điều kiện lao động hợp lý, khi không thể đáp ứng điều kiện tuyển dụng, thì mới được đăng ký Giấy phép lên Bộ Lao động với văn bản liên quan theo số người cần bổ sung.

Bộ Lao động cho phép nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài có thể thực hiện công việc tại khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm: “Do có đặc thù tính chất công việc khác, trong nước thiếu nhân tài ở hạng mục này, cần thiết phải có người nước ngoài thực hiện công việc này, đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương hạch định”.

(5) Điều kiện của Chủ thuê

Chủ thuê phải phù hợp quy định tiêu chuẩn thẩm tra và điều kiện công việc tại khoản 8 đến khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm (dưới đây gọi là tiêu chuẩn thẩm hạch), thuê lao động người nước ngoài thực hiện công việc sản xuất, xây dựng, đánh bắt cá ngoài khơi, nông nghiệp, khán hộ công.

(6) Điều kiện người nước ngoài

1. Điều kiện kỹ thuật: Phải phù hợp một trong các điều kiện như

chứng chỉ chuyên ngành, khóa học huấn luyện hoặc nhận định thực tập, xem chi tiết tại Văn bản 2 kèm theo, điều kiện kỹ thuật sẽ do Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương kiểm thảo và điều chỉnh.

2. Số tiền lương:

(1) Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa với tiền lương không thấp hơn số tiền dưới đây, và có thể thay đổi kiểm thảo và điều chỉnh theo tiền lương thị trường trong nước:

A. Ngành sản xuất, ngành xây dựng, ngành đánh bắt cá ngoài khơi, ngành nông nghiệp: Tiền lương hàng tháng mang tính thường xuyên ³phải đạt trên 33 nghìn Đài tệ⁴, hoặc tổng số tiền lương cả năm ⁵trên 500 nghìn Đài tệ.

B. Công tác khán hộ công Cơ sở: Tiền lương hàng tháng mang tính thường xuyên phải đạt trên 29.000 Đài tệ⁶.

C. Công việc khán hộ công gia đình: Tổng số tiền lương hàng tháng phải đạt trên 24.000 Đài tệ.

(2) Sinh viên nước ngoài / Hoa kiều được cấp bằng phó Cử nhân trở

³Tiền lương mang tính thường xuyên được Phòng Kế toán – Viện Hành chính định nghĩa, là thù lao công việc thanh toán cho nhân viên được thuê hàng tháng, bao gồm lương cơ bản và trợ cấp cố định, tiền thưởng hàng tháng; như trợ cấp thuê nhà, phí giao thông, phí ăn uống, phí điện nước, tiền thưởng công tác hàng tháng (sản xuất, hiệu suất, thành tích nghiệp vụ) và tiền thưởng chuyên cần v.v...; trường hợp thanh toán theo phương thức vật thể, thì phải tính theo giá trị khấu trừ thực tế; những chi phí nêu trên đều không khấu trừ thuế phải thanh toán, phí bảo hiểm và phí Công đoàn.

⁴Năm 2020 Bộ Lao động điều tra tiền lương của ngành sản xuất, vận hành thiết bị cơ khí và lắp ráp, tiền lương mang tính thường xuyên bình quân là 31.152 Đài tệ, và cộng thêm phí ổn định nghề nghiệp 2.000 Đài tệ tính bằng số nguyên.

⁵Tổng số tiền lương theo định nghĩa của Phòng Kế toán – Viện Hành chính, là tiền lương thanh toán thực tế trong tháng cho nhân viên được thuê đến cuối tháng, bao gồm tiền lương mang tính thường xuyên, phí tăng ca và tiền lương không mang tính thường xuyên khác.

⁶Năm 2020 Bộ Lao động điều tra tiền lương của ngành chăm sóc sức khỏe bảo hiểm y tế (bao gồm khán hộ công, chăm sóc ở cũ), tiền lương mang tính thường xuyên bình quân là 27.336 Đài tệ, và cộng thêm phí ổn định nghề nghiệp 2.000 Đài tệ tính bằng số nguyên.

lên thực hiện các công việc kỹ thuật bậc vừa thuộc ngành sản xuất, xây dựng, đánh bắt cá ngoài khơi, nông nghiệp, tiền lương hàng tháng theo tính thường xuyên phải đạt trên 30 nghìn Đài tệ. Nhưng cùng một sinh viên nước ngoài / Hoa kiều đăng ký thuê lần thứ hai hoặc gia hạn Giấy phép, tiền lương hàng tháng mang tính thường xuyên phải đạt trên 33 nghìn Đài tệ, hoặc tổng số tiền lương cả năm trên 500 nghìn Đài tệ.

3. Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài tiền lương hàng tháng mang tính thường xuyên đạt trên 35 nghìn Đài tệ, thì miễn trừ điều kiện kỹ thuật về chứng chỉ chuyên nghiệp, khóa học huấn luyện hoặc nhận định thực tập v.v...

(7) Số người được sử dụng:

1. Tổng số người: Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài có liên quan đến nhu cầu ngành công nghiệp và nhân lực thực tế chăm sóc dài hạn, không có hạn chế về tổng số người.

2. Số người giới hạn đăng ký cho cá nhân Chủ thuê (chi tiết xem tại Văn bản 3 kèm theo):

(1) Ngành đánh bắt cá ngoài khơi

A. Thuyền cá: Chủ thuê đăng ký nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, không được vượt quá số thuyền viên được tải theo chứng chỉ ngành cá, sau khi khấu trừ số thuyền viên ra khỏi 25%.

B. Nuôi cá lưới: Chủ thuê đăng ký nhân lực kỹ thuật bậc vừa

nước ngoài, cứ 1/2 hecta được thuê 1 người tùy theo chứng chỉ nghề cá hoặc diện tích nuôi cá ghi trên Giấy chứng nhận.

(2) Ngành sản xuất, xây dựng, nông nghiệp, khách hộ công Cơ sở:

A. Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, không được vượt quá tỷ lệ được phép thuê lao động người nước ngoài 25%. Nhưng tối thiểu được thuê 1 người. Tiêu chuẩn nhận định tỷ lệ cho các ngành như sau:

(A) Ngành sản xuất: Tính theo tỷ lệ (40%, 35%, 25%, 20%, 15%, 10%) quy trình chế tạo cụ thể được Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương nhận định (3K).

(B) Ngành xây dựng: Tính theo tỷ lệ (20% đến 40%, hoặc tỷ lệ hạch định theo chuyên án của Viện Hành chính) mô hình nhu cầu nhân lực kinh phí công trình.

(C) Nông nghiệp:

a. Nông nghiệp ủy quyền bên ngoài: Tính theo số người được Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương hạch định.

b. Ngành nông nghiệp lương thực (hoa lan, nấm, rau củ):
Tính theo 35% tỷ lệ cho phép.

(D) Khách hộ công Cơ sở: Tính theo tỷ lệ 35% trên 50 giường bệnh, 32% từ 50 đến 90 giường bệnh, 30% trên 100 giường bệnh theo quy mô số giường bệnh đăng ký theo

quy định pháp luật của Cơ sở.

B. Cùng một Chủ thuê thuê lao động người nước ngoài, nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài và người nước ngoài thực hiện công việc chuyên nghiệp (quy định tại khoản 1 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm) của cùng một số nghiệm chứng bảo hiểm lao động, tổng cộng không được vượt quá 50% tổng nhân viên của cùng một Chủ thuê có mã số nghiệm chứng bảo hiểm lao động.

(3) Khán hộ công gia đình: Chủ thuê đăng ký nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, cùng 1 người được chăm sóc giới hạn 1 người chăm sóc, cùng 1 người được chăm sóc ở tình trạng người thực vật hoặc thang điểm PAP bằng 0, thì được thêm 1 người chăm sóc. Cùng 1 người được chăm sóc đã đăng ký lao động người nước ngoài, không được đăng ký trùng lặp nhân viên kỹ thuật bậc vừa.

3. Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài được cấp cư trú vĩnh viễn, được cấp Giấy phép làm việc theo quy định tại khoản 4 mục 1 Điều 51 Luật Dịch vụ Việc làm, không được tính vào số người giới hạn đăng ký.

(8) Cơ chế quản lý tại Đài Loan:

1. Thời hạn thuê làm và giới hạn số năm số lần: Theo quy định tại Điều 52 Luật Sự kiện Gia đình, nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài được đăng ký tối đa mỗi lần 3 năm, và không có giới hạn số lần đăng ký.

2. Quy định chuyển Chủ: Theo quy định tại Điều 53 và 59 Luật Dịch vụ Việc làm, nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài trong thời hạn Giấy phép thuê làm còn hiệu lực, khi có lý do không thể quy trách nhiệm về phía người nước ngoài đó, thì mới được đổi Chủ hoặc đổi việc. Ngoài ra, khi Giấy phép hết hạn, có thể chuyển Chủ hoặc đổi việc.

3. Quản lý thuê làm:

(1) Chăm sóc đời sống: Chủ thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài phải cung cấp ăn uống, ký túc nghỉ ngơi giống như lao động người nước ngoài được thuê cùng ngành nghề, Chủ thuê phải thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn được quyết định theo kế hoạch dịch vụ chăm sóc đời sống người nước ngoài và Biện pháp cho phép và quản lý Chủ thuê người nước ngoài. Nhưng trường hợp nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài có nhu cầu cá nhân, tự chọn nơi ở ngoài, Chủ thuê miễn thực hiện theo quy định liên quan.

(2) Tiêu chuẩn thu phí của Cơ sở Dịch vụ Việc làm: Theo quy định tại điều 5 Tiêu chuẩn mục tiêu và số tiền thu phí của Cơ sở Dịch vụ Việc làm, Cơ sở Dịch vụ Việc làm tư nhân thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài ủy quyền thực hiện nghiệp vụ dịch vụ việc làm, có thể thu phí đăng ký và phí giới thiệu (tổng cộng trên nguyên tắc không quá tiền lương 1 tháng), phí dịch vụ (hàng năm không quá 2.000 Đài tệ).

- (3) Nghiệm chứng chấm dứt Hợp đồng: Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực mà chấm dứt Hợp đồng và xuất cảnh, thì Chủ thuê phải đưa người nước ngoài đó đến Cơ quan có thẩm quyền địa phương để thông báo xuất cảnh theo quy định tại mục 2 Điều 45 Biện pháp cho phép và quản lý Chủ thuê thuê người nước ngoài, Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sẽ hỏi ý kiến của người nước ngoài để nghiệm chứng.
- (4) Hạng mục khác: Thực hiện theo Luật Dịch vụ Việc làm và các quy định có liên quan khác.
4. Cư trú theo thân: Xét thấy quyền đoàn tụ gia đình của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, và đảm bảo nhu cầu đời sống có thể gánh vác thăm thân quyến thuộc, đối với việc đăng ký cư trú theo thân tại các kênh, tổng tiền lương bình quân hàng tháng của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài phải đạt 53 nghìn Đài tệ.
5. Cư trú vĩnh viễn: Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài sau khi cư trú hợp pháp liên tục 5 năm, sau đó có thể đăng ký cư trú vĩnh viễn tại Sở Di dân – Bộ Nội chính theo Điều 25 Luật Xuất nhập cảnh và Di dân⁷. Sau khi được cho phép cư trú vĩnh viễn, phải đăng ký Giấy phép làm việc cá nhân tại Bộ Lao động theo quy định tại khoản 4 mục 1 Điều 51 Luật Dịch vụ Việc làm, không có giới hạn công việc

⁷Theo quy định tại Điều 15 Chi tiết thực thi Luật Xuất nhập cảnh và Di dân, người nước ngoài đăng ký cư trú vĩnh viễn, phải phù hợp 1 trong các điều kiện sau đây: 1. Thu nhập hàng tháng bình quân trong nước 1 năm gần nhất vượt quá 2 lần tiền lương cơ bản được Bộ Lao động thông báo. 2. Tổng giá trị động sản và bất động sản trong nước vượt quá 5 triệu Đài tệ. 3. Giấy chứng nhận nhân viên ngành chuyên môn và kỹ thuật hoặc kiểm định kỹ năng. 4. Tình hình khác được Sở Di dân nhận định.

khi làm việc tại Đài Loan.

IV. Bộ phân công

Hạng mục công việc	Bộ hội chịu trách nhiệm
1. Sửa đổi quy định pháp luật	
1.1 Sửa đổi Lệnh quy định pháp luật nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài làm việc tại Đài Loan.	Bộ Lao động
1.2 Thiết lập điều kiện kỹ thuật đối với nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài (ví dụ chứng chỉ chuyên nghiệp, thiết lập nội dung khóa học huấn luyện và nhận định số giờ, thiết lập qu phạm nhận định thực hành và cơ chế thẩm tra)	Bộ Kinh tế, Bộ Nội chính, Bộ Phúc lợi Y tế, Ủy ban Nông nghiệp
1.3 Tổng hợp và công bố điều kiện kỹ thuật của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài	Bộ Lao động
1.4 Điều kiện cư trú theo thân của quyền thuộc	Bộ Nội chính, Bộ Ngoại giao
2. Tuyên truyền chính sách	
2.1 Tăng cường tuyên truyền cho Chủ thuê Doanh nghiệp và lao động người nước ngoài thuộc Doanh nghiệp đó	Bộ Kinh tế, Bộ Nội chính, Bộ Phúc lợi Y tế, Ủy ban Nông nghiệp, Bộ Lao động
2.2 Tăng cường tuyên truyền với trường học	Bộ Giáo dục
2.3 Tăng cường tuyên truyền đối với người dân Hoa kiều tại hải ngoại, trường học Hoa kiều, Doanh nghiệp Đài Loan và Tổ chức cựu sinh viên tốt nghiệp ở lại Đài Loan	Ủy ban Những vấn đề về Hoa kiều
3. Cấp phát Giấy phép thuê làm nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài	
3.1 Công tác hành chính cấp Giấy phép thuê làm nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài	Bộ Lao động
3.2 Thẩm hạch điều kiện kỹ thuật của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, và kê khai giấy tờ chứng nhận	Bộ Kinh tế, Bộ Nội chính, Ủy ban Nông nghiệp
4. Kiểm thảo cơ chế sử dụng nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài lâu dài	
4. 1 Kiểm thảo mục tiêu chính sách sử dụng nhân lực	Ủy ban Phát triển Quốc gia,

kỹ thuật bậc vừa nước ngoài lâu dài	Bộ Lao động
4.2 Kiểm thảo điều kiện nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài	Bộ Kinh tế, Bộ Nội chính, Bộ Phúc lợi Y tế, Ủy ban Nông nghiệp, Bộ Lao động

V. Hiệu quả dự tính

- I. Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài trong thời gian ngắn có thể bổ sung nhân lực lao động trong nước, gia tăng sức sản xuất và tiêu dùng trong nước, trong thời gian dài có thể cải thiện kết cấu nhân lực trong nước.
- II. Cứ 3 năm đăng ký 1 lần nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, không có giới hạn số lần thuê làm, và áp dụng chính sách di dân Đài Loan, có lợi trong việc sử dụng sức lao động chất lượng và ổn định của ngành công nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh công nghiệp, khiến tiền lương lao động trong nước tăng trưởng.
- III. Thông qua nâng cao tiền lương khi làm việc tại Đài Loan của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài, có lợi đối với việc giữ chân nhân tài, hơn nữa chi phí Cơ sở Dịch vụ Việc làm tư lập phải thanh toán của nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài thấp hơn so với của lao động người nước ngoài, có thể giảm thiểu gánh vác kinh tế lao động người nước ngoài, nâng cao hình tượng quốc tế.

**Văn bản 1 kèm theo- Bảng thống kê số người trong thời hạn
lao động người nước ngoài làm việc tại Đài Loan**

Thống kê đến cuối tháng 11 năm 2021

Loại ngành nghề	Công tác đánh bắt cá ngoài khơi	Gia đình Người giúp việc	Gia đình Chăm sóc	Công việc được Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương chỉ định				Tổng số
				Ngành sản xuất	Ngành xây dựng	Khán hộ công Cơ sở	Ngành nông nghiệp	
Chừa đủ 1 năm	156	31	2,037	26,335	961	568	350	30,438
Trên 1 năm dưới 2 năm	600	173	14,268	37,360	1,429	1,243	140	55,213
Trên 2 năm dưới 3 năm	1,232	272	27,867	67,012	947	1,984	39	99,353
Trên 3 năm dưới 4 năm	916	120	21,682	61,202	596	1,754	40	86,310
Trên 4 năm dưới 5 năm	906	134	19,789	55,447	443	1,711	40	78,470
Trên 5 năm dưới 6 năm	741	89	20,283	43,065	437	1,419	23	66,057
Trên 6 năm dưới 7 năm	626	87	17,505	36,161	289	1,240	27	55,935
Trên 7 năm dưới 8 năm	618	56	14,955	32,024	198	1,135	15	49,001
Trên 8 năm dưới 9 năm	457	41	11,840	15,706	148	676	7	28,875
Trên 9 năm dưới 10 năm	364	46	10,095	12,925	103	623	11	24,167
Trên 10 năm dưới 11 năm	330	32	7,898	10,120	59	465	3	18,907
Trên 11 năm dưới 12 năm	334	31	5,680	9,856	64	401	2	16,368
Trên 12	-	-	5,040	-	-	-	-	5,040

năm dưới 13 năm								
Trên 13 năm dưới 14 năm	-	-	6,295	-	-	-	-	6,295
Tổng cộng	7,280	1,112	185,234	407,213	5,674	13,219	697	620,429

Ghi chú 1: Số người thống kê nêu trên không bao gồm lao động người nước ngoài không rõ tung tích 55.243 người.

Ghi chú 2: Giới hạn số năm cho lao động người nước ngoài làm việc tại Đài Loan, là lấy thời gian làm việc tích lũy tại Đài Loan theo mã số hộ chiếu sau khi thay đổi liệt kê mã số hộ chiếu người nước ngoài nhập cảnh để làm thống kê.

Văn bản 2 kèm theo – Bảng điều kiện kỹ thuật dành cho

nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài

I. Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài ngành công nghiệp

Số thứ tự	Loại việc làm	Chứng chỉ chuyên nghiệp	Khóa học huấn luyện	Nhận định thực hành
1	Công việc kỹ thuật bậc vừa ngành sản xuất	<p>Hạng mục kiểm định kỹ năng nhân viên kỹ thuật toàn quốc theo thông báo của Bộ Lao động:</p> <p>1. Hạng mục đề thi lý thuyết trên giấy thêm ngoại ngữ (thuộc lĩnh vực ngành sản xuất):</p> <p>(1) Hàn điện thủ công nói chung (2) Vận hành cần trục cố định – Kiểu cánh tay (3) Vận hành cần trục cố định – Kiểu trên cao (vận hành trên máy) (4) Vận hành cần trục cố định – Kiểu trên cao (vận hành trên mặt đất) (5) Hàn điện cực vonfram argon (6) Hàn điện bán tự động (7) Vận hành xe nâng</p> <p>2. Hạng mục kiểm định khác về kỹ năng lĩnh vực ngành sản xuất, đề nghị chỉ cần thông qua thi thực hành, lĩnh nhận chứng nhận thành tích.</p> <p>(1) Máy phay (2) Máy tiện (3) Khuôn (4) Gia công máy móc (5) Thành hình kim loại</p>	<p>1. Số giờ huấn luyện tại mục 1, mục 2 sau đây phải đạt trên 80 tiếng, có thể hợp nhất tích lũy, cũng có thể chọn 1 tính riêng, và kèm theo chứng nhận số giờ.</p> <p>(1) Tham gia khóa huấn luyện kiến thức chuyên môn, đào tạo kỹ thuật có liên quan chuyên đổi mô hình nâng cấp công nghiệp do trường Cao đẳng, Đại học trong nước, Bộ Lao động, Bộ Kinh tế tổ chức.</p> <p>(2) Tham gia khóa học chứng nhận chất lượng định hướng chức năng của Sở Phát triển Nguồn nhân lực – Bộ Lao động có liên quan chuyên đổi mô hình nâng cấp công nghiệp, với khóa học 3 lĩnh vực “sản xuất”, “công nghệ thông tin”, “khoa học, kỹ thuật, công trình, số học”.</p> <p>2. Khóa học đào tạo nêu trên được Bộ Kinh tế hoặc Cơ sở chứng nhận chuyên nghiệp được Bộ Kinh tế</p>	<p>1. Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương thiết lập quy phạm nhận định thực hành.</p> <p>2. Chủ thuê nộp kèm Giấy chứng nhận lao động người nước ngoài có đủ điều kiện kỹ thuật bậc vừa (bao gồm Giấy chứng nhận bằng văn bản và video thực hành), để đăng ký nhận định thực hành với Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề</p>

Số thứ tự	Loại việc làm	Chứng chỉ chuyên nghiệp	Khóa học huấn luyện	Nhận định thực hành
			nhận định tiến hành thẩm định.	mục tiêu cấp Trung ương.
2	Công việc kỹ thuật bậc vừa ngành xây dựng	<p>1. Được cấp Giấy chứng nhận Chủ nhiệm địa điểm thi công, Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kỹ sư quản lý chất lượng công trình công cộng, Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kỹ sư quản lý an toàn nghề nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nhân viên quản lý an toàn vệ sinh nghề nghiệp.</p> <p>2. Được cấp Giấy chứng nhận kỹ sư kỹ thuật có liên quan ngành xây dựng sau:</p> <p>(1) Hàn điện thủ công nói chung (2) Hàn điện bán tự động (3) Hàn điện cực vonfram argon (4) Đo đạc (5) Sơn kiến trúc (6) Cốt thép (7) Tấm mẫu (8) Bê-tông (9) Tạo cảnh quan (10) Vườn hoa (11) Tạo dựng chống nước (12) Xi-măng (13) Đồ gỗ gia dụng (14) Đồ gỗ cửa sổ / cửa ra vào (15) Quản lý công trình kiến trúc (16) Thống kê nội thất vật kiến trúc (17) Quản lý công trình lắp đặt, sửa chữa nội thất (18) Đồ gỗ trang trí (19) Quản lý công trình xây dựng (20) Neo đất (21) Giá đỡ thi công ống thép (22) Bức tường rèm kim loại (23) Ứng dụng bản vẽ kiến trúc (24) Vận hành cần trục cố định (25) Vận hành cần trục di động (26) Vận hành máy móc hạng nặng (27) Bảo trì vận hành cơ sở hạ tầng nước ngầm (28) Vận hành xe nâng</p>	<p>1. Doanh nghiệp xây dựng tự tổ chức khóa học huấn luyện chuyên nghiệp tích lũy số giờ đạt trên 80 tiếng, và kèm văn bản chứng minh để Công đoàn chứng nhận.</p> <p>2. Vào khóa học huấn luyện liên quan xây dựng học tập Cơ quan (sở) có liên quan tích lũy số giờ luyện tập đạt trên 80 tiếng:</p> <p>(1) “Khóa học huấn luyện chức năng Chủ nhiệm địa điểm thi công ngành xây dựng” của Sở Xây dựng – Bộ Nội chính.</p> <p>(2) “Lớp huấn luyện quản lý chất lượng công trình công cộng” của Ủy ban công trình công cộng – Viện Hành chính.</p> <p>(3) “Khóa học huấn luyện giáo dục kỹ sư quản lý an toàn nghề nghiệp”, “Khóa học huấn luyện giáo dục nhân viên quản lý an toàn vệ sinh nghề nghiệp” của Sở An toàn Vệ sinh Ngành nghề - Bộ Lao động.</p>	<p>3. Các Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương chịu trách nhiệm thẩm tra nhận định thực hành.</p> <p>4. Khi Các Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương tiến hành thẩm tra, có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu thực hành theo nhu cầu.</p>

Số thứ tự	Loại việc làm	Chứng chỉ chuyên nghiệp	Khóa học huấn luyện	Nhận định thực hành
		(29) Quản lý an toàn nghề nghiệp (30) Quản lý vệ sinh nghề nghiệp (31) Quản lý an toàn vệ sinh nghề nghiệp		
3	Công việc kỹ thuật bậc vừa ngành nông nghiệp	Ngành đánh bắt cá ngoài khơi	—	Thông qua huấn luyện chuyên nghiệp thuyền viên cán bộ thuyền cá (80 tiếng), và lĩnh nhận Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện.
		Ngành công nghiệp hoa lan, nấm ăn và rau củ	Thông qua thi trung cấp điều kiện kỹ thuật nông nghiệp, hạng mục kế hoạch bao gồm: 1. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây ăn quả. 2. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây trồng cơ sở. 3. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây trà. 4. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt quả na. 5. Năng lực cơ bản về quản lý trồng lúa nước.	Hoàn thành khóa học kỹ thuật nông nghiệp do địa điểm thử nghiệm cải tiến thuộc Ủy ban Nông nghiệp hoặc trường Cao đẳng, Đại học, Hiệp hội Ngành công nghiệp do Ủy ban Nông nghiệp ủy quyền tổ chức, đạt trên 80 tiếng.
		Dịch vụ ủy quyền bên ngoài	Thông qua thi trung cấp điều kiện kỹ thuật nông nghiệp, hạng mục kế hoạch bao gồm: 1. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây ăn quả. 2. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây trồng cơ sở. 3. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt cây trà. 4. Năng lực cơ bản về quản lý trồng trọt quả na. 5. Năng lực cơ bản về quản lý trồng lúa nước.	Hoàn thành khóa học kỹ thuật chuyên nghiệp do Ủy ban Nông nghiệp tổ chức trên 80 tiếng.

Ghi chú: 1. Sử dụng nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài ngành sản xuất, phải phù hợp tiền lương mang tính thường xuyên đạt 33.000 Đạì tậ **hoặc tổng số tiền lương cả năm đạt trên 500 nghìn Đạì tậ**, kinh nghiệm làm việc tại Đạì Loan trên 6 năm; và phải phù hợp với 1 trong các điều kiện “chứng chỉ chuyên nghiệp”, “khóa học huấn luyện” hoặc “nhận định thực hành”.

2. Chủ thuê thuê nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài cung cấp tiền lương hàng tháng mang tính thường xuyên trên 35.000 Đạì tậ, miễn trừ điều kiện về chứng chỉ chuyên nghiệp, khóa học huấn luyện hoặc nhận định thực hành.

3. Điều kiện kỹ thuật của công việc kỹ thuật bậc vừa ngành sản xuất có thể được Cơ quan có thẩm

quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương điều chỉnh tùy theo tình hình thay đổi ngành nghề.

II. Nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài ngành phúc lợi xã hội

Số thứ tự	Loại việc làm	Hoa (Mẫn Nam) Năng lực ngôn ngữ	Khóa học giáo dục/ Khóa học huấn luyện bổ sung
1	Công việc kỹ thuật bậc vừa khán hộ công Cơ sở	Có năng lực khẩu ngữ trác nghiệm năng lực tiếng Hoa của Bộ Giáo dục tối thiểu “cấp cơ bản”, hoặc chứng nhận năng lực ngôn ngữ tiếng Mẫn Nam (phần nói và nghe) tối thiểu là “cấp cơ bản”.	Phù hợp 1 trong các điều kiện sau: 1. Dữ liệu chứng nhận tham gia tiếp huấn luyện giáo dục 20 tiếng 1 năm trước khi đăng ký. 2. Sinh viên được cấp bằng phó Cử nhân trở lên theo học Khoa liên quan đến chăm sóc dài hạn hoặc hoàn thành khóa học dành cho nhân viên phục vụ chăm sóc dài hạn do Cơ quan có thẩm quyền cấp Trung ương thông báo, và được cấp Giấy chứng nhận kỹ sư nhân viên chăm sóc dài hạn.
2	Công việc kỹ thuật bậc vừa khán hộ công gia đình	Có năng lực khẩu ngữ trác nghiệm năng lực tiếng Hoa của Bộ Giáo dục tối thiểu “cấp cơ bản”, hoặc chứng nhận năng lực ngôn ngữ tiếng Mẫn Nam (phần nói và nghe) tối thiểu là “cấp cơ bản”.	Tham gia khóa học huấn luyện bổ sung thực tế (huấn luyện tập trung, huấn luyện tại nhà), hoặc tại khu huấn luyện bổ sung trên trang web bảo vệ quyền lợi nguồn lao động đa quốc gia của Bộ Lao động, tiến hành tổng số giờ của khóa học học tập kỹ thuật số trực tuyến đạt 20 tiếng, và kèm theo “Giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện bổ sung cho người nước ngoài thực hiện công việc khán hộ công gia đình”.

Ghi chú: 1. Sử dụng nhân lực kỹ thuật bậc vừa nước ngoài ngành phúc lợi xã hội, phải đồng thời phù hợp năng lực ngôn ngữ và điều kiện khóa học huấn luyện giáo dục có liên quan.

- Điều kiện kỹ thuật của công việc kỹ thuật bậc vừa ngành phúc lợi xã hội, do Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương điều chỉnh tùy theo tình hình thúc đẩy chăm sóc dài hạn.

Văn bản 3 kèm theo – Bảng liệt kê giới hạn số nhân lực kỹ thuật bậc vừa của các ngành nghề

Loại việc làm	Quy định
1. Ngành đánh bắt cá ngoài khơi Công việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đăng ký thuê người nước ngoài bậc vừa thực hiện công tác đánh bắt cá ngoài khơi, số người không được vượt quá số thuyền viên trên thuyền cá, 25% sau khi khấu trừ số thuyền viên tối thiểu ra khơi. 2. Đăng ký thuê người nước ngoài bậc vừa thực hiện công việc nuôi cá lưới, cứ 1/2 hecta được thuê 1 người nước ngoài tùy theo chứng chỉ ngành cá hoặc diện tích nuôi được ghi trong Giấy chứng nhận đánh bắt cá. Nhưng số người được tính thêm theo khoản 1, khoản 8 và khoản 11 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm, không được vượt quá 50% số người lao động trong nước mà Chủ thuê thuê làm. 3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định nêu trên.
2. Công việc sản xuất	<ol style="list-style-type: none"> 1. Số người đăng ký không được vượt quá tỷ lệ sau: <ol style="list-style-type: none"> (1) Số người đăng ký ngành sản xuất thuộc khu cảng thương mại tự do, tổng số người không được vượt quá 10% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. (2) Số người đăng ký ngành cấp A+ thuộc Bảng VI Tiêu chuẩn này, tổng số người không được vượt quá 8,75% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. (3) Số người đăng ký ngành cấp A thuộc Bảng VI Tiêu chuẩn này, tổng số người không được vượt quá 6,25% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. (4) Số người đăng ký ngành cấp B thuộc Bảng VI Tiêu chuẩn này, tổng số người không được vượt quá 5% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. (5) Số người đăng ký ngành cấp C thuộc Bảng VI Tiêu chuẩn này, tổng số người không được vượt quá 3,75% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. (6) Số người đăng ký ngành cấp D thuộc Bảng VI Tiêu chuẩn này, tổng số người không được vượt quá 2,5% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng. 2. Nhận định tổng số người nước ngoài do Chủ thuê thuê làm tại điểm trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá 50% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm. (2) Số người nước ngoài bậc vừa đã thuê làm. (3) Số người thực hiện công việc tại khoản 1 và khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm. 3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định

	tại 2 điểm trước.
3. Công việc xây dựng	<p>1. Tính 5% số người theo mô hình nhu cầu nhân lực theo Luật Kinh phí Công trình. Nhưng công trình công cộng có một trong các trường hợp sau, sẽ tính riêng theo quy định tại các khoản:</p> <p>(1) Tổng số điểm đạt trên 80 điểm tho tiêu chuẩn phân cấp và công thức tính tại Bảng IV Tiêu chuẩn này, và tổng số điểm nhân với 4/1000 hạch toán tỷ lệ 25%.</p> <p>(2) Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương báo cáo Viện Hành chính hạch định 25%.</p> <p>2. Nhận định tổng số người nước ngoài do Chủ thuê thuê làm tại điểm trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá 50% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng:</p> <p>(1) Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm.</p> <p>(2) Số người nước ngoài bậc vừa đã thuê làm.</p> <p>(3) Số người thực hiện công việc tại khoản 1 và khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm.</p> <p>3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định tại 2 điểm trước.</p>
4. Công việc nông nghiệp ủy quyền bên ngoài	<p>1. Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm, không được vượt quá số người do Cơ quan có thẩm quyền về ngành nghề mục tiêu cấp Trung ương hạch định.</p> <p>2. Nhận định tổng số người nước ngoài do Chủ thuê thuê làm tại điểm trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá 50% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng:</p> <p>(1) Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm.</p> <p>(2) Số người nước ngoài bậc vừa đã thuê làm.</p> <p>(3) Số người thực hiện công việc tại khoản 1 và khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm.</p> <p>3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định tại 2 điểm trước.</p>
5. Công việc nông nghiệp (giới hạn ngành nông nghiệp lương thực như hoa lan, nấm, rau củ)	<p>1. Tổng số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm, không được vượt quá 8,75% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng.</p> <p>2. Nhận định tổng số người nước ngoài do Chủ thuê thuê làm tại điểm trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá 50% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng:</p> <p>(1) Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm.</p> <p>(2) Số người nước ngoài bậc vừa đã thuê làm.</p> <p>(3) Số người thực hiện công việc tại khoản 1 và khoản 10 mục 1 Điều 46</p>

	<p>Luật Dịch vụ Việc làm.</p> <p>3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định tại 2 điểm trước.</p>
6. Công việc khá hộ công Cơ sở	<p>1. Số người đăng ký không được vượt quá tỷ lệ sau:</p> <p>(1) Quy mô Cơ sở chưa đạt đến 50 giường bệnh, tổng số nhân viên không được vượt quá 8,75% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng.</p> <p>(2) Quy mô Cơ sở trên 50 dưới 100 giường bệnh, tổng số nhân viên không được vượt quá 8% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng.</p> <p>(3) Quy mô Cơ sở đạt trên 100 giường bệnh, tổng số nhân viên không được vượt quá 7,5% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng.</p> <p>2. Nhận định tổng số người nước ngoài do Chủ thuê thuê làm tại điểm trước, phải bao gồm số người sau đây, và không được vượt quá 50% bình quân số nhân viên mà Chủ thuê đăng ký 1 năm trước của 2 tháng đầu trong tháng:</p> <p>(1) Số người nước ngoài bậc vừa đăng ký thuê làm.</p> <p>(2) Số người nước ngoài bậc vừa đã thuê làm.</p> <p>(3) Số người thực hiện công việc tại khoản 1 và khoản 10 mục 1 Điều 46 Luật Dịch vụ Việc làm.</p> <p>3. Chủ thuê tối thiểu được thuê 1 nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định tại 2 điểm trước.</p>
7. Công việc khán hộ công gia đình	<p>1. Cùng 1 người được chăm sóc giới hạn 1 người chăm sóc. Nhưng cùng 1 người được chăm sóc có một trong các trường hợp sau, thì có thể thêm 1 người chăm sóc:</p> <p>(1) Sở tay người khuyết tật hoặc Giấy chứng nhận ghi là người thực vật.</p> <p>(2) Đã được y tế chuyên nghiệp chẩn đoán Bảng đánh giá thang điểm PAP là 0, và bệnh không thể cải thiện trong vòng 6 tháng.</p> <p>2. Cùng 1 người được chăm sóc đã đăng ký lao động người nước ngoài, thì không được đăng ký trùng lặp nhân lực kỹ thuật bậc vừa.</p>

Ghi chú: Chủ thuê đăng ký nhân lực kỹ thuật bậc vừa theo quy định Bảng này, số người lao động trong nước không được là 0 người.

Văn bản 5 kèm theo – Bảng chênh lệch hạng mục thuê và quản lý đối với lao động người nước ngoài chuyển đổi thành nhân lực kỹ thuật bậc vừa

Hạng mục	Lao động người nước ngoài cổ xanh thực hiện công việc khoản 8 đến khoản 10 Luật Dịch vụ Việc làm	Nhân lực kỹ thuật bậc vừa tại khoản 11 Luật Dịch vụ Việc làm	Căn cứ pháp lý
1. Tuyển dụng trong nước	V	V	Mục 1 Điều 47 Luật Dịch vụ Việc làm, Điều 12 Biện pháp cho phép và quản lý Chủ thuê thuê người nước ngoài.
2. Chủ thuê đăng ký Giấy phép thuê làm.	V	V	Điều 48 Luật Dịch vụ Việc làm,
3. Giới hạn số năm làm việc tại Đài Loan	V	X	Mục 4, mục 6 Điều 52 Luật Dịch vụ Việc làm
4. Chủ thuê nộp phí ổn định việc làm	V	X	Mục 1 Điều 55 Luật Dịch vụ Việc làm
5. Kiểm tra sức khỏe	V	V	Mục 3 Điều 48 Luật Dịch vụ Việc làm, Điều 5 Biện pháp quản lý kiểm tra sức khỏe người nước ngoài được thuê làm
6. Quản lý đời sống sau khi nhập cảnh	V	V	Điều 27-1 Biện pháp cho phép và quản lý Chủ thuê thuê người nước ngoài
7. Kiểm nghiệm chấm dứt Hợp đồng	V	V	Điều 45 Biện pháp cho phép và quản lý Chủ thuê thuê người nước ngoài
8. Tự do chuyển Chủ trong thời hạn thuê làm	X	X	Mục 4 Điều 53 Luật Dịch vụ Việc làm
9. Điều kiện đăng ký cư trú vĩnh viễn	X	V	Mục 1 Điều 25 Luật Xuất nhập cảnh và Di dân
10. Điều kiện đăng ký	X	V	Mục 1 Điều 23 Luật Xuất nhập cảnh và Di dân

quyền thuộc theo thân			
----------------------------------	--	--	--